

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày 28-6-2024
V/v tranh chấp
đòi lại tài sản là tiền cho vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Lê Thị Mai Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền cho vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đặng Văn T, sinh năm 1952 cùng vợ là bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1970 (đăng ký HKTT: Số 463/4B Bến B, phường 9, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh); cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; ông T, bà L có mặt;

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Số nhà 84, đường H, tổ dân phố số 2, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 (gửi qua Dịch vụ bưu chính đến Tòa án ngày 26/12/2023) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông T, bà L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết xã hội từ trước với ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Số nhà 84, đường H, tổ dân phố số 2, phường H, quận Đ,

thành phố Hải Phòng. Ông Q có vay tiền vợ chồng tôi nhiều lần để giải quyết công việc gia đình trong lúc khó khăn. Đến ngày 05/8/2018, hai bên cộng dồn thành số tiền 350.000.000^d (ba trăm năm mươi triệu đồng), có lập Giấy vay tiền tại nhà tôi, thời hạn vay tiền trong vòng 02 tháng, từ 05/8/2018 đến 05/10/2018 phải trả tiền vay, không ghi thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền, thực tế tôi không thu tiền lãi của ông Q. Khi lập Giấy vay tiền có mặt vợ chồng tôi với ông Q. Giấy vay tiền do tôi in sẵn, để trống phần ghi thông tin về nhân thân của người vay tiền là ông Q, số tiền vay, thời hạn trả tiền, ngày lập giấy vay tiền. Ông Q là người tự viết thông tin vào các phần để trống nêu trên, trực tiếp ký, viết họ tên Nguyễn Hữu Q vào mục NGƯỜI VAY TIỀN. Việc cho nhau vay tiền, ông Q tự viết và ký vào giấy vay tiền, hai bên đều trong trạng thái tinh thần minh mẫn, do tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Đến ngày 05/10/2018, là thời hạn ông Q phải trả vợ chồng tôi đủ số tiền 350.000.000^d (ba trăm năm mươi triệu đồng). Khi đến hạn trả tiền, vợ chồng tôi đã nhiều lần nhắc, đôn đốc ông Q trả tiền, nhưng ông Q đều nói lý do vì khó khăn, xin khất nợ nhiều lần, đến nay vẫn chưa trả được khoản tiền nào. Vì vậy, vợ chồng tôi mới phải khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Q phải trả luôn một lần số tiền vay gốc 350.000.000^d (ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 6/10/2018 theo quy định của pháp luật. Việc ông Q có ý kiến trình bày do kinh tế gia đình ông Q rất khó khăn, xin được trả dần vợ chồng tôi mỗi tháng từ 1.000.000^d (một triệu đồng) đến 2.000.000^d (hai triệu đồng) vào số tiền nợ gốc, tháng nào có tiền sẽ trả nhiều hơn cho đến khi trả hết nợ gốc. Về tiền lãi, ông Q xin vợ chồng tôi cho ông Q toàn bộ vì không còn khả năng để trả. Tôi có quan điểm như sau: Về khoản tiền lãi vợ chồng tôi có thể cho ông Q toàn bộ, với điều kiện mỗi tháng ông Q phải trả vợ chồng tôi được ít nhất từ 10.000.000 đồng/tháng liên tục cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

Tính từ tháng 6/2024, ông Q không thực hiện đúng yêu cầu nêu trên, chúng tôi yêu cầu Tòa án: Buộc ông Q phải trả cả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và số tiền lãi, tạm tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày hòa giải 29/5/2024 (05 năm 07 tháng 23 ngày = 67 tháng 23 ngày) với mức lãi suất 12%/năm (tương ứng với 1%/tháng); như sau: $1\%/tháng \times 350.000.000 \text{ đồng} \times 67 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 237.183.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, yêu cầu ông Q phải trả cả tiền nợ gốc, lãi với số tiền 587.183.000^d (năm trăm tám mươi bảy triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 27/3/2024, biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Q trình bày: Xác nhận việc có vay tiền của vợ chồng ông T, bà L như ông T đã nêu. Việc tôi vay tiền, viết và ký vào giấy vay tiền của vợ chồng ông T đều trong trạng thái tinh thần minh mẫn, do tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Thời hạn vay tiền trong vòng 02 tháng, từ 05/8/2018 đến 05/10/2018 phải trả tiền vay, không ghi thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền, thỏa thuận trả tiền lãi bằng lời nói, tôi vẫn trả lãi đầy đủ để ông T nhận. Đến ngày 05/10/2018, là thời hạn tôi phải trả vợ chồng ông T 350.000.000 đồng do dịch Covid bùng phát dẫn đến khó khăn về kinh tế, tôi chưa trả được số tiền vay của vợ chồng ông T. Tôi có nói với ông T để tôi được tiếp tục trả lãi. Thực tế tôi có trả tiền lãi để ông T nhận từ ngày 05/8/2018 đến ngày 20/4/2019. Sau đó, tôi hết khả năng trả tiền lãi, gốc nên ông T, bà L khởi kiện đến Tòa án yêu cầu tôi phải trả luôn cả số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 6/10/2018 đến nay. Do khó

khẩn tôi xin được trả dần vợ chồng ông T hàng tháng liên tục, tính từ tháng 06/2024 cho đến khi hết số tiền nợ gốc tùy theo số tiền tôi thu nhập được trong mỗi tháng. Tôi cam kết sẽ đi huy động, vay mượn từ nhiều nguồn để trả vợ chồng ông T hết số tiền nợ gốc trong thời gian sớm nhất. Về tiền lãi, tôi xin vợ chồng ông T cho tôi toàn bộ vì tôi không còn khả năng để trả.

Tại phiên tòa, ông T, bà L cùng thống nhất đề bà L đại diện trình bày: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Tòa án mở phiên tòa, ông T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã báo lại để bà L được biết. Nhưng bà L không đến Tòa án tham gia tố tụng được vì lý do phải vào thành phố Hồ Chí Minh chăm sóc mẹ để phải điều trị tại bệnh viện. Bà L đồng ý giữ nguyên nội dung khởi kiện như ông T đã trình bày, yêu cầu Tòa án: Buộc ông Q phải trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và số tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc chưa trả với mức lãi suất 12%/năm, tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử 28/6/2024: $350.000.000 \text{ đồng} \times 12\% \times 2093 \text{ ngày} = 240.838.356 \text{ đồng}$. Yêu cầu ông Q phải trả tổng số tiền 590.838.356^d (năm trăm chín mươi triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng);

Tại phiên tòa, ông Q trình bày: Tôi xác nhận việc có vay tiền vợ chồng ông T, bà L nhiều lần, đến ngày 05/8/2018 cộng dồn lại thành 350.000.000 đồng. Việc tôi vay tiền, viết và ký vào giấy vay tiền của vợ chồng ông T đều trong trạng thái tinh thần minh mẫn, do tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Thời hạn vay tiền 02 tháng, tính từ ngày 05/8/2018 đến ngày 05/10/2018 phải trả tiền vay, không ghi thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền, thỏa thuận trả tiền lãi bằng lời nói, tôi vẫn trả lãi đầy đủ từ ngày 05/8/2018 đến ngày 20/4/2019 để ông T nhận. Tôi không nộp được đến Tòa án tài liệu bằng văn bản để chứng minh việc tôi có trả lãi để ông T nhận, do khi trả tiền lãi không viết giấy giao nhận tiền. Sau đó, do khó khăn tôi không còn khả năng để trả nợ vợ chồng ông T nữa. Đến nay tôi vẫn muốn thỏa thuận với ông T, bà L về việc cho tôi được trả dần số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, xin ông T, bà L cho tôi hết số tiền lãi vì hiện nay tôi không có tiền để trả ngay một lần.

Các đương sự cùng giữ nguyên yêu cầu, ý kiến. Không tự thỏa thuận được với nhau, cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm:

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L chưa có bản khai nhưng thẩm phán chưa tiến hành lấy lời khai của bà L là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn - ông T, bị đơn - ông Q thực hiện đầy đủ quyền, chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời gian mở phiên tòa, nguyên đơn - bà L không đến Tòa án để trình bày nội dung khởi kiện, yêu cầu đối với bị đơn - ông Q; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ, vi phạm quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn - ông T, bà L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn giải quyết về “Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền cho vay” theo giấy vay tiền ngày 05/8/2018 đối với ông Nguyễn Hữu Q có nơi cư trú tại tổ dân phố số 2, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là loại vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

2. Quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông T, bà L: Ngày 05/8/2018, vợ chồng ông T và bà L cho ông Q vay số tiền 350.000.000 đồng, thỏa thuận về thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 05/8/2018 đến ngày 05/10/2018, không tính lãi. Đến hết ngày 05/10/2018, ông Q không trả được nợ và tính đến nay chưa trả được phần nào trong số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận nào khác.

Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của ông T, ông Q, thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ: tính đến ngày xét xử, ông Q còn phải trả cho ông T, bà L số tiền 350.000.000 đồng. Căn cứ điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L buộc ông Q phải trả số tiền 350.000.000 đồng là lãi chậm trả tính từ ngày 06/10/2018.

Tại phiên tòa, ông T, bà L yêu cầu ông Q phải trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và số tiền lãi với mức lãi suất 12%/năm, tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử 28/6/2024 là phù hợp, có căn cứ, cần được chấp nhận.

3. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông T, bà L được chấp nhận; ông T thuộc diện được miễn nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn - ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông T, bà L: Ông Q phải trả ông T, bà L số tiền 350.000.000 đồng (nợ gốc quá hạn chưa trả) và số tiền lãi với mức lãi suất 12%/năm, tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử 28/6/2024 (2093 ngày - thời gian chậm trả nợ gốc); như sau: $350.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/365 \text{ ngày} \times 2093 \text{ ngày} = 240.838.356 \text{ đồng}$. Tổng cộng, ông Q phải trả nợ gốc, lãi với số tiền 590.838.356^d (năm trăm chín mươi triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

2. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, ông T thuộc diện được miễn nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại bà L số tiền 4.375.000^d (Bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006523 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Bị đơn - ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 27.633.534^d (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi tư đồng).

3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Đối với vi phạm nêu trên, Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án khắc phục.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, áp dụng pháp luật: Nguyên đơn - ông T, bà L khởi kiện yêu cầu bị đơn - ông Q trả số tiền vay 350.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05/8/2018; Xác định đây là loại vụ án dân sự về “Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền cho vay” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Q có nơi cư trú tại tổ dân phố số 2, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án đến trước khi ban hành bản án, không đương sự nào có yêu cầu về việc áp dụng thời hiệu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[1.2] Xác định tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định: Như đã nêu tại phần căn cước về tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong phần đầu của Bản án.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T, bà L khởi kiện, yêu cầu ông Q trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05/8/2018 và yêu cầu trả số tiền lãi với mức lãi suất 12%/năm, tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử 28/6/2024. Xác định đây là quan hệ tranh chấp thuộc loại vụ án dân sự về “Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền cho vay” theo quy định tại các điều 105, 116, 117, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3] Ông T, bà L khởi kiện, yêu cầu ông Q trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử 28/6/2024 của số tiền nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất 12%/năm, tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử 28/6/2024 (2093 ngày - thời gian chậm trả nợ gốc): $350.000.000 \text{ đồng} \times 12\% / 365 \text{ ngày} \times 2093 \text{ ngày} = 240.838.356 \text{ đồng}$. Tổng cộng, yêu cầu ông Q phải trả cả tiền nợ gốc, lãi với số tiền 590.838.356^d (năm trăm chín mươi triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng); ông T giao nộp Tòa án 01 Giấy vay tiền ngày 05/8/2018. Ông Q cũng thừa nhận việc ông trực tiếp viết toàn bộ nội dung Giấy vay tiền rồi ký, viết họ tên vào Giấy vay tiền trong trạng thái tinh thần minh mẫn, do tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Tuy nhiên, đến nay ông Q chưa trả tiền để ông T, bà L nhận. Do đó, có đủ cơ sở để xác định yêu cầu của ông T, bà L có căn cứ theo quy định của pháp luật.

- *Xét ý kiến của bị đơn - ông Q đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông Q thừa nhận việc ông trực tiếp viết nội dung về thỏa thuận vay tiền, rồi ký, viết họ tên vào Giấy vay số tiền 350.000.000 đồng của vợ chồng ông T, bà L đều trong trạng thái tinh thần minh mẫn, do tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Thời hạn vay tiền trong vòng 02 tháng, từ 05/8/2018 đến 05/10/2018 phải trả tiền vay, không ghi thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền, thỏa thuận trả tiền lãi bằng lời nói, vẫn trả lãi đầy đủ để ông T nhận. Đến ngày 05/10/2018, là thời hạn ông Q phải trả vợ chồng ông T 350.000.000 đồng, do dịch Covid bùng phát dẫn đến khó khăn về kinh tế, ông Q chưa trả được. Ông Q cho rằng “Ông có nói với ông T để được tiếp tục trả lãi. Thực tế, ông Q có trả tiền lãi để ông T nhận từ ngày 05/8/2018 đến ngày 20/4/2019”. Tuy nhiên, ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ bằng Văn bản để chứng minh về việc ông có trả tiền lãi để vợ chồng ông T, bà L nhận.

[4.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do ông T giao nộp đến Tòa án, lời khai của ông Q thể hiện: Ông Q thừa nhận vào ngày 05/8/2018, ông trực tiếp tự nguyện viết nội dung về việc vay số tiền 350.000.000 đồng của ông T, bà L vào Giấy vay tiền; với thỏa thuận “Thời hạn vay tiền trong vòng 02 tháng, từ 05/8/2018 đến 05/10/2018 phải trả tiền vay, không ghi thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền”. Sau đó, quá

thời hạn theo thoả thuận, ông Q không trả tiền. Ông T nhiều lần nhắc, đôn đốc ông Q thực hiện việc trả nợ, đến nay ông Q vẫn chưa trả.

[4.2] Từ những phân tích tại các mục [4], [4.1]; xác định: Ông Q là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phải chịu trách nhiệm về những giao dịch dân sự do ông tham gia xác lập. Vì vậy, ông Q phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã cam kết trong Giấy vay tiền ngày 05/8/2018. Tuy nhiên, đến nay ông Q vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Thể hiện, ông Q có hành vi cố ý chây ỳ, không trả lại số tiền 350.000.000 đồng vay của ông T, bà L từ ngày 05/8/2018. Xác định các ý kiến của ông Q đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L đều không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- *Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, đề xuất của Kiểm sát viên; đánh giá tính hợp pháp của các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định: Có đủ căn cứ để xác định giữa ông T, bà L với ông Q có thỏa thuận, giao nhận tiền cho vay như ông T trình bày. Nội dung của Giấy vay tiền phù hợp với quy định tại các điều 105, 116, 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 về “Tài sản, giao dịch dân sự, điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự”; khoản 1 Điều 351 quy định về Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: “*1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*”; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, ông T, bà L khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng số tiền và số tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất 12%/năm, tính từ ngày 06/10/2018 đến ngày xét xử 28/6/2024 (2093 ngày - thời gian chậm trả nợ gốc); như sau: $350.000.000 \text{ đồng} \times 12\% / 365 \text{ ngày} \times 2093 \text{ ngày} = 240.838.356 \text{ đồng}$. Tổng cộng, yêu cầu ông Q phải trả cả tiền nợ gốc, lãi với số tiền 590.838.356^d (năm trăm chín mươi triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về án phí:*

[6] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp; nguyên đơn - ông T thuộc diện là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T được miễn nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6.1] Như đã phân tích tại mục [6]; xác định: Bị đơn - ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 105, 116, 117; khoản 1 Điều 351; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Hữu Q phải trả vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc L tổng số tiền 590.838.356 đồng; trong đó: nợ gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi 240.838.356 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Đặng Văn T được miễn nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.375.000^d (Bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006523 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 27.633.534^d (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi tư đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà L, ông Q đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng